

ETS 1200 – SCRIPT & TRANS – PART 3 – TEST 02

<p>Questions 41-43 refer to the following conversation.</p> <p>(W-Am) Good morning. ⁴¹This is the front desk. May I help you?</p> <p>(M-Br) Yes, ⁴¹this is James Wagner in room two fourteen. ⁴²I ordered breakfast for eight o'clock this morning, but it hasn't arrived yet.</p> <p>(W-Am) I'm sorry Mr. Wagner. You should have received it by now. I'll call the kitchen and check on it for you.</p> <p>(M-Br) OK, but ⁴³I don't have much time. ⁴³I need to be on the 9:30 bus to the airport or I'll miss my flight.</p>	<p>Câu hỏi 41-43 tham khảo đoạn hội thoại sau đây.</p> <p>(W-Am) Chào buổi sáng. Đây là bàn tiếp tân. Tôi có thể giúp gì cho anh?</p> <p>(M-Br) Vâng, tôi là James Wanger ở phòng 214. Tôi đã gọi bữa sáng mang đến lúc 8 giờ nhưng nó vẫn chưa đến.</p> <p>(W-Am) Tôi rất tiếc anh Wagner. Đáng lẽ lúc này là anh đã nhận được nó rồi. Tôi sẽ gọi cho nhà bếp và kiểm tra nó giúp anh.</p> <p>(M-Br) Được, nhưng tôi không có nhiều thời gian. Tôi cần phải lên xe buýt lúc 9 giờ 30 để đến sân bay, nếu không tôi sẽ lỡ chuyến bay.</p>
<p>41. Where does this conversation probably take place?</p> <p>(A) In a restaurant (B) In a hotel (C) In an airport (D) In a supermarket</p> <p>42. Why did the man contact the woman?</p> <p>(A) To inquire about an order (B) To request a receipt (C) To buy a ticket (D) To make a reservation</p> <p>43. Why is the man in a hurry?</p> <p>(A) A restaurant is about to close. (B) He is late for a business lunch. (C) He has to catch a plane. (D) A bus tour will begin soon.</p>	<p>41. Đoạn hội thoại này có thể diễn ra ở đâu?</p> <p>(A) Trong một nhà hàng (B) Trong một khách sạn (C) Trong một sân bay (D) Trong một siêu thị</p> <p>42. Tại sao người đàn ông liên hệ người phụ nữ?</p> <p>(A) Để hỏi về một sự đặt hàng (B) Để yêu cầu biên lai (C) Để mua một chiếc vé (D) Để đặt chỗ trước</p> <p>43. Tại sao người đàn ông lại gấp gáp?</p> <p>(A) Một nhà hàng sắp đóng cửa. (B) Anh ấy trễ giờ ăn trưa. (C) Anh ấy phải kịp đi máy bay. (D) Một chuyến tham quan bằng xe buýt sẽ bắt đầu sớm.</p>

<p>Questions 44-46 refer to the following conversation.</p> <p>(W-Br) Excuse me. ⁴⁴I'm looking for a large bookshelf for my office.</p> <p>(M-Am) ⁴⁴What kind of bookshelf are you looking for?</p> <p>(W-Br) ⁴⁴I'd prefer a wall-mounted unit, but ⁴⁵I'm most concerned about the price. ⁴⁵I don't want to spend more than about \$50.</p> <p>(M-Am) We don't have all our models on display. ⁴⁶Let me go get a catalog for you so you'll have a wider selection to choose from.</p>	<p>Câu hỏi 41-43 tham khảo đoạn hội thoại sau đây.</p> <p>(W-Br) Xin lỗi. Tôi đang tìm một cái kệ sách lớn cho văn phòng của mình.</p> <p>(M-Am) Cô đang tìm kiếm kệ sách loại nào?</p> <p>(W-Br) Tôi thích loại có thể gắn vào tường, nhưng tôi lo lắng nhất là về giá cả. Tôi không muốn sử dụng quá 50 đô la.</p> <p>(M-Am) Chúng tôi đang không trưng bày tất cả mô hình. Để tôi đi lấy bảng danh mục cho cô để cô có thêm nhiều sự lựa chọn.</p>
<p>44. Where does this conversation take place?</p> <p>(A) In an office (B) In an apartment (C) In a clothing store (D) In a furniture store</p> <p>45. What is the woman most concerned about?</p> <p>(A) The cost of an item (B) The size of an office (C) The design of a machine (D) The selection of items</p> <p>46. What will the man probably do next?</p> <p>(A) Sell a desk (B) Get a catalog (C) Select a model (D) Write an order</p>	<p>44. Đoạn hội thoại này diễn ra ở đâu?</p> <p>(A) Trong một văn phòng (B) Trong một căn hộ (C) Trong một cửa hàng quần áo (D) Trong một cửa hàng nội thất</p> <p>45. Người phụ nữ lo lắng về điều gì?</p> <p>(A) Giá cả của một mặt hàng (B) Kích cỡ của một văn phòng (C) Thiết kế của một chiếc máy (D) Sự phong phú của các mặt hàng</p> <p>46. Người đàn ông có thể sẽ làm gì tiếp theo?</p> <p>(A) Bán một cái bàn làm việc (B) Đi lấy một bảng danh mục (C) Chọn một mô hình (D) Viết một đơn đặt hàng</p>

<p>Questions 47-49 refer to the following conversation.</p> <p>(W-Am) Hi, Bill. Are you ready for the meeting this afternoon? ⁴⁷You've got a two-hour presentation to give, right?</p> <p>(M-Br) Right. ⁴⁸But there's a small problem. ⁴⁸My slides are finished, but the printer is broken and I can't print out the handouts I want to distribute at the meeting.</p> <p>(W-Am) ⁴⁹Why don't you call Jane and see if she can print it for you on the second floor?</p>	<p>Câu hỏi 47-49 tham khảo đoạn hội thoại sau đây.</p> <p>(W-Am) Xin chào Bill. Anh đã sẵn sàng cho cuộc họp chiều nay chưa? Anh có một bài thuyết trình dài 2 tiếng phải không?</p> <p>(M-Br) Đúng vậy. Nhưng có một vấn đề nhỏ. Các slide của tôi đã hoàn thành, nhưng máy in thì bị hỏng nên tôi không thể in các bản phát tay mà tôi muốn phân phát tại cuộc họp.</p> <p>(W-Am) Tại sao anh không gọi cho Jane và hỏi xem liệu cô ấy có thể in chúng giúp anh ở tầng hai không?</p>
<p>47. How long is the man's presentation expected to last?</p> <p>(A) Half an hour (B) One hour (C) Two hours (D) Three hours</p> <p>48. What problem does the man mention?</p> <p>(A) The printer is broken. (B) Some slides are missing. (C) The meeting room is too small. (D) His presentation has been postponed.</p> <p>49. What does the woman suggest?</p> <p>(A) Making extra copies (B) Asking a coworker for help (C) Beginning the presentation early (D) Changing the meeting room</p>	<p>47. Bài thuyết trình của người đàn ông dự kiến sẽ kéo dài bao lâu?</p> <p>(A) Nửa tiếng (B) 1 tiếng (C) 2 tiếng (D) 3 tiếng</p> <p>48. Người đàn ông tham khảo vấn đề gì?</p> <p>(A) Máy in bị hỏng. (B) Một vài slide bị thiếu. (C) Phòng họp quá nhỏ. (D) Bài thuyết trình của anh ấy đã bị hoãn lại.</p> <p>49. Người phụ nữ đề nghị điều gì?</p> <p>(A) Tạo ra thêm nhiều bản sao (B) Nhờ sự giúp đỡ từ một đồng nghiệp (C) Bắt đầu bài thuyết trình sớm. (D) Thay đổi phòng họp</p>

<p>Questions 50-52 refer to the following conversation.</p> <p>(W-Br) ⁵¹Is there any way I can get on the next flight to Los Angeles? ⁵⁰My flight from New York didn't arrive on time so I missed my connection.</p> <p>(M-Am) Let's see, I don't have any direct flights, but if you're willing to connect in San Francisco, there is a flight leaving in twenty minutes.</p> <p>(W-Br) ⁵¹As long as it takes me to Los Angeles, I'll take it. My name's Joan Martin.</p> <p>(M-Am) Here's your ticket, Ms. Martin. ⁵²Please hurry to gate ten.</p>	<p>Câu hỏi 50-52 tham khảo đoạn hội thoại sau đây.</p> <p>(W-Br) Có cách nào để tôi có thể lên chuyến bay tiếp theo đến Los Angeles không? Chuyến bay của tôi từ New York đến đây không đúng giờ nên tôi đã lỡ chuyến bay chuyển tiếp.</p> <p>(M-Am) Để tôi xem thử, tôi không có chuyến bay thẳng nào, nhưng nếu cô vui lòng chuyển tiếp tại San Francisco, thì có một chuyến bay khoảng 20 phút nữa.</p> <p>(W-Br) Miễn là tôi có thể đến Los Angeles, tôi sẽ đi chuyến đó. Tên tôi là Joan Martin.</p> <p>(M-Am) Vé của cô đây, cô Martin. Hãy nhanh chân đến cửa số 10.</p>
<p>50. What is the woman's problem?</p> <p>(A) She lost her luggage. (B) She missed a flight. (C) She forgot her airplane ticket. (D) She does not know where the gate is.</p> <p>51. Where is the woman's final destination?</p> <p>(A) Chicago (B) New York (C) Los Angeles (D) San Francisco</p> <p>52. What does the man tell the woman to do?</p> <p>(A) Present her identification (B) Call a travel agent (C) Check her luggage (D) Go to an airport gate</p>	<p>50. Người phụ nữ gặp vấn đề gì?</p> <p>(A) Cô ấy mất hành lí của mình. (B) Cô ấy đã lỡ một chuyến bay. (C) Cô ấy để quên vé máy bay của mình. (D) Cô ấy không biết cửa đi ở đâu.</p> <p>51. Đích đến của người phụ nữ là ở đâu?</p> <p>(A) Chicago (B) New York (C) Los Angeles (D) San Francisco</p> <p>52. Người đàn ông bảo người phụ nữ làm gì?</p> <p>(A) Xuất trình chứng minh thư (B) Gọi cho nhân viên du lịch (C) Kiểm tra hành lí của cô ấy (D) Đi đến một cửa sân bay</p>

<p>Questions 53-55 refer to the following conversation.</p> <p>(M-Am) Hi, Mary, ⁵³how's your apartment search going?</p> <p>(W-Br) ⁵³I've been to look at so many apartments, but ⁵⁴they're all too expensive. ⁵⁴It's just so expensive to live in this area.</p> <p>(M-Am) ⁵³ ⁵⁵Some of my friends have had luck finding reasonably-priced apartments on this Web site that we found. ⁵⁵Maybe you should try it? ⁵⁵I can send you the address.</p> <p>(W-Br) I'm ready to try anything, so thanks for the idea.</p>	<p>Câu hỏi 50-52 tham khảo đoạn hội thoại sau đây.</p> <p>(M-Am) Chào Mary, việc tìm kiếm căn hộ của cô ra sao rồi?</p> <p>(W-Br) Tôi đã xem qua rất nhiều căn hộ, nhưng chúng quá đắt. Chỉ là quá đắt để sống ở khu vực này.</p> <p>(M-Am) Một vài người bạn của tôi đã gặp may trong việc tìm kiếm các căn hộ có giá hợp lí ở trên trang web này mà chúng tôi tìm được. Có thể cô nên thử nó? Tôi có thể gửi địa chỉ cho cô.</p> <p>(W-Br) Tôi đã sẵn sàng để thử mọi thứ, cảm ơn anh về đề nghị.</p>
<p>53. What are the speakers discussing?</p> <p>(A) Designing a Web site (B) Finding an apartment (C) Buying a computer (D) Getting a job</p> <p>54. What problem does the woman mention?</p> <p>(A) A missing document (B) High rent prices (C) Long working hours (D) A broken computer</p> <p>55. What does the man suggest?</p> <p>(A) Buying a newspaper (B) Writing a resume (C) Moving to a different city (D) Consulting a Web site</p>	<p>53. Những người này đang thảo luận về việc gì?</p> <p>(A) Thiết kế một trang web (B) Tìm kiếm một căn hộ (C) Mua một máy tính (D) Nhận một công việc</p> <p>54. Người phụ nữ tham khảo vấn đề gì?</p> <p>(A) Một tài liệu bị thất lạc (B) Giá cho thuê cao (C) Giờ làm việc kéo dài (D) Một chiếc máy tính bị hỏng</p> <p>55. Người đàn ông đề nghị việc gì?</p> <p>(A) Mua một tờ báo (B) Viết một bản lí lịch (C) Chuyển đến một thành phố khác (D) Tham khảo một trang web</p>

<p>Questions 56-58 refer to the following conversation.</p> <p>(W-Am) ⁵⁶What should we do to thank our sponsors this year?</p> <p>(M-Am) Well, ⁵⁷let's do more than send thank-you cards like we did last year. I was thinking about having calendars made with our name on them – something that would remind them of us every day.</p> <p>(W-Am) Hey, that's a good idea. ⁵⁸I think that copy store around the corner makes those. I'll give them a call.</p> <p>(M-Am) Make sure they know we'll need them soon; we'd want the sponsors to get those calendars before the end of the year.</p>	<p>Câu hỏi 56-58 tham khảo đoạn hội thoại sau đây.</p> <p>(W-Am) Chúng ta nên làm gì để cảm ơn các nhà tài trợ năm nay?</p> <p>(M-Am) Hãy làm nhiều hơn là chỉ gửi các thiệp cảm ơn giống như chúng ta đã làm hồi năm ngoái. Tôi đã nghĩ về việc gửi lịch có in tên của chúng ta – tấm lịch sẽ là thứ gọi họ nhớ về chúng ta mỗi ngày.</p> <p>(W-Am) Ô, đó là một ý tưởng hay. Tôi nghĩ tiệm copy ở góc đường sẽ làm chúng. Tôi sẽ gọi cho họ.</p> <p>(M-Am) Hãy đảm bảo họ biết là chúng ta cần các tấm lịch sớm; chúng ta muốn các nhà tài trợ có được chúng trước cuối năm.</p>
<p>56. What do the speakers want to do?</p> <p>(A) Plan a party (B) Decorate their offices (C) Write a letter (D) Thank some sponsors</p> <p>57. What did the organization send out last year?</p> <p>(A) Cards (B) Calendars (C) Awards (D) Product samples</p> <p>58. Who does the woman want to call?</p> <p>(A) Her manager (B) The post office (C) A decorator (D) A copy shop</p>	<p>56. Những người này muốn làm gì?</p> <p>(A) Lên kế hoạch một bữa tiệc (B) Trang trí văn phòng của họ (C) Viết một lá thư (D) Cảm ơn các nhà tài trợ</p> <p>57. Tổ chức này đã gửi cái gì trong năm ngoái?</p> <p>(A) Các tấm thiệp (B) Các cuốn lịch (C) Các giải thưởng (D) Các mẫu sản phẩm</p> <p>58. Người phụ nữ muốn gọi cho ai?</p> <p>(A) Người quản lý của cô ấy (B) Bưu điện (C) Một người thợ trang trí (D) Một cửa tiệm copy</p>

<p>Questions 59-61 refer to the following conversation.</p> <p>(M-Br) Fran, ⁵⁹I'm on my way over to Hanover's to pick up lunch for anyone in the office who wants it. I already got orders from the ten of us working upstairs. Do you want anything?</p> <p>(W-Am) Sure. ⁵⁹Can you get me a salad with French dressing, and a cup of soup? I'm in the middle of reviewing this contract so I'd appreciate it.</p> <p>(M-Br) OK, ⁶⁰I should be back in about twenty minutes.</p> <p>(W-Am) Wait – ⁶¹before you go, let me see if the receptionist wants anything to eat. She likes Hanover's a lot.</p>	<p>Câu hỏi 59-61 tham khảo đoạn hội thoại sau đây.</p> <p>(M-Br) Fran, Tôi đang trên đường đến Hanover để lấy đồ ăn trưa cho bất kì ai trong văn phòng muốn ăn trưa. Tôi đã nhận các đơn đặt hàng từ 10 người làm việc ở tầng trên. Cô có muốn thứ gì không?</p> <p>(W-Am) Có. Anh có thể mua giúp tôi một phần rau trộn với nước chấm kiểu Pháp, và một cốc canh được không? Tôi đang xem dở hợp đồng này nên tôi sẽ cảm kích việc anh mua giúp tôi.</p> <p>(M-Br) Được, tôi sẽ quay về trong khoảng 20 phút nữa.</p> <p>(W-Am) Đợi chút – trước khi anh đi, hãy để tôi hỏi xem nhân viên lễ tân có muốn ăn gì không. Cô ấy rất thích Hanover.</p>
<p>59. What type of business most likely is Hanover's?</p> <p>(A) A construction firm (B) An office supply store (C) A clothing shop (D) A restaurant</p> <p>60. When will the man probably return?</p> <p>(A) In 10 minutes (B) In 20 minutes (C) In 30 minutes (D) In 40 minutes</p> <p>61. What will the woman probably do next?</p> <p>(A) Ask a coworker a question (B) Prepare some food (C) Wait for a document (D) Sign a contract</p>	<p>59. Hanover rất có thể là loại hình kinh doanh gì?</p> <p>(A) Một công ty xây dựng (B) Một cửa hàng văn phòng phẩm (C) Một cửa hàng quần áo (D) Một nhà hàng</p> <p>60. Khi nào thì người đàn ông quay về?</p> <p>(A) Trong 10 phút nữa (B) Trong 20 phút nữa (C) Trong 30 phút nữa (D) Trong 40 phút nữa</p> <p>61. Người phụ nữ có thể sẽ làm gì tiếp theo?</p> <p>(A) Hỏi một người đồng nghiệp (B) Chuẩn bị một số đồ ăn (C) Đợi một tài liệu (D) Kí một hợp đồng</p>

<p>Questions 62-64 refer to the following conversation.</p> <p>(M-Am) ⁶²Did you hear that Ms. Endo from the Tokyo office has been promoted to vice-president of communications?</p> <p>(W-Br) Yes, I did. The publicity department will miss her. Do you think she'll be hiring any new staff members?</p> <p>(M-Am) Well, she told me that her new department is expanding, so ⁶³she'll need to hire at least two more people.</p> <p>(W-Br) Then I should call my friend, Dan. ⁶⁴He's been looking for a job in communications.</p>	<p>Câu hỏi 62-64 tham khảo đoạn hội thoại sau đây.</p> <p>(M-Am) Cô có nghe tin cô Endo từ văn phòng Tokyo vừa được thăng chức lên Phó chủ tịch của bộ phận truyền thông?</p> <p>(W-Br) Có. Bộ phận công chúng sẽ nhớ cô ấy. Anh có nghĩ cô ấy sẽ tuyển nhân viên mới không?</p> <p>(M-Am) À, cô ấy đã nói với tôi là bộ phận mới của cô ấy đang mở rộng, vì thế cô ấy sẽ cần tuyển thêm ít nhất 2 người.</p> <p>(W-Br) Vậy tôi nên gọi cho bạn của tôi là Dan. Anh ấy đang tìm kiếm công việc ở lĩnh vực truyền thông.</p>
<p>62. What is stated about Ms. Endo?</p> <p>(A) She is preparing a publicity campaign. (B) She is a traveling to Tokyo. (C) She has been promoted. (D) She works for two companies.</p> <p>63. What will Ms. Endo need to do?</p> <p>(A) Make a reservation (B) Hire new employees (C) Contact the vice-president (D) Schedule a meeting</p> <p>64. What does the woman say about her friend Dan?</p> <p>(A) He knows Ms. Endo. (B) He recently changed companies. (C) He speaks Japanese. (D) He is interested in a new job.</p>	<p>62. Điều gì được nói về cô Endo?</p> <p>(A) Cô ấy đang chuẩn bị một chiến dịch công chúng. (B) Cô ấy đang trên đường tới Tokyo. (C) Cô ấy vừa được thăng chức. (D) Cô ấy làm việc cho 2 công ty.</p> <p>63. Cô Endo cần phải làm gì?</p> <p>(A) Đặt chỗ trước (B) Tuyển nhân viên mới (C) Liên lạc với Phó chủ tịch (D) Sắp xếp một cuộc họp</p> <p>64. Người phụ nữ nói gì về bạn của cô ấy là Dan?</p> <p>(A) Anh ấy biết cô Endo. (B) Gần đây anh ấy đã chuyển công ty. (C) Anh ấy nói được tiếng Nhật. (D) Anh ấy đang quan tâm tới một công việc mới.</p>

<p>Questions 65-67 refer to the following conversation.</p> <p>(M-Br) Hello. This is Mark Tyler. ⁶⁵ ⁶⁶I have an appointment with you on Wednesday at 9:30 to talk about a small-business loan. I was wondering what information I should bring with me.</p> <p>(W-Am) Well, you should bring statements that show your annual income, your business accounts, and any payments you are currently making. ⁶⁵You should also bring the official loan application form.</p> <p>(M-Br) I have all the documents you mentioned, except I still need the loan application form.</p> <p>(W-Am) That's fine. We'll give it to you on Wednesday, and ⁶⁷you can fill it out here.</p>	<p>Câu hỏi 65-67 tham khảo đoạn hội thoại sau đây.</p> <p>(M-Br) Xin chào. Tôi là Mark Tyler. Tôi có một cuộc hẹn với cô vào thứ Tư lúc 9 giờ 30 để nói về vay vốn cho doanh nghiệp nhỏ. Tôi tự hỏi là tôi nên mang theo gì.</p> <p>(W-Am) À, anh nên mang các bản kê khai về thu nhập hằng năm của mình, tài khoản kinh doanh của anh, và bất cứ khoản thanh toán nào mà anh đang có. Anh cũng nên mang theo mẫu đơn xin vay vốn.</p> <p>(M-Br) Tôi có tất cả tài liệu mà cô vừa đề cập, ngoại trừ là tôi vẫn cần mẫu đơn xin vay vốn.</p> <p>(W-Am) Ổn rồi. Chúng tôi sẽ gửi nó cho anh vào thứ Tư, và anh có thể điền nó ở đây.</p>
<p>65. What are the speakers discussing?</p> <p>(A) A job interview (B) A bank card (C) A registration (D) A loan</p> <p>66. When is the appointment?</p> <p>(A) On Monday (B) On Tuesday (C) On Wednesday (D) On Thursday</p> <p>67. What does the man need to do?</p> <p>(A) Make a payment (B) Make a telephone call (C) Reschedule an appointment (D) Fill out an application</p>	<p>65. Những người này đang thảo luận gì?</p> <p>(A) Một buổi phỏng vấn việc làm (B) Một thẻ ngân hàng (C) Một sự ghi danh (D) Một sự vay vốn</p> <p>66. Khi nào thì cuộc hẹn diễn ra?</p> <p>(A) Thứ Hai (B) Thứ Ba (C) Thứ Tư (D) Thứ Năm</p> <p>67. Người đàn ông cần làm gì?</p> <p>(A) Tiến hành thanh toán (B) Gọi một cuộc điện thoại (C) Sắp xếp lại một cuộc hẹn (D) Hoàn thành một đơn xin</p>

<p>Questions 68-70 refer to the following conversation.</p> <p>(W-Br) We haven't been happy with our current shipping company and are looking to find a new one. That's why we asked you to come in today.</p> <p>(M-Am) Well, I'll be happy to tell you about our services. ⁶⁸I'm sure you'll find that our rates for air, ground, and sea shipments are all very competitive. But first, can you tell me a little about your needs?</p> <p>(W-Br) ⁶⁹We manufacture construction machinery, like tractors and cranes, and we handle our own domestic deliveries – but for international orders we rely on an outside shipping company. That's what we're hoping you can do for us.</p> <p>(M-Am) International deliveries are our specialty. ⁷⁰Now let's talk about your budget and typical delivery deadlines, and then we can start drafting a contract.</p>	<p>Câu hỏi 68-70 tham khảo đoạn hội thoại sau đây.</p> <p>(W-Br) Chúng tôi không hài lòng với công ty vận chuyển hiện tại của chúng tôi và đang tìm kiếm một công ty mới. Đó là lí do mà hôm nay chúng tôi đã yêu cầu anh đến đây.</p> <p>(M-Am) Tôi rất vui khi nói cho cô về dịch vụ của chúng tôi. Tôi chắc chắn cô sẽ thấy rằng mức giá của chúng tôi cho việc vận chuyển bằng đường hàng không, đường bộ và đường thủy là rất cạnh tranh. Nhưng trước tiên, cô có thể nói cho tôi biết một chút về nhu cầu của bên cô được không?</p> <p>(W-Br) Chúng tôi sản xuất máy móc xây dựng, như máy kéo và cần trục, và chúng tôi quản lí việc giao hàng của mình trong nước – nhưng đối với các đơn hàng quốc tế thì chúng tôi phụ thuộc vào một công ty vận chuyển bên ngoài. Đó là những gì mà chúng tôi hi vọng bên anh có thể làm cho chúng tôi.</p> <p>(M-Am) Giao hàng quốc tế là chuyên môn của chúng tôi. Bây giờ chúng ta hãy nói về ngân sách và thời hạn giao hàng thông thường của bên cô, sau đó chúng ta có thể bắt đầu soạn thảo hợp đồng.</p>
<p>68. Where does the man work?</p> <p>(A) At a shipping company (B) At a travel agency (C) At an airline (D) At a government agency</p> <p>69. What does the woman's company make?</p> <p>(A) Cargo airplanes (B) Ocean ships (C) Packaging materials (D) Construction machinery</p> <p>70. What will the speakers probably do next?</p> <p>(A) Deliver a machine (B) Board an airplane (C) Discuss a business contract (D) Inspect a building project</p>	<p>68. Người đàn ông làm việc ở đâu?</p> <p>(A) Một công ty vận chuyển (B) Một đại lí du lịch (C) Một hãng hàng không (D) Một cơ quan Chính phủ</p> <p>69. Công ty của người phụ nữ sản xuất gì?</p> <p>(A) Máy bay chở hàng (B) Tàu thủy (C) Vật liệu đóng gói (D) Máy móc xây dựng</p> <p>70. Những người này có thể sẽ làm gì tiếp theo?</p> <p>(A) Giao hàng một chiếc máy (B) Lên máy bay (C) Thảo luận về hợp đồng kinh doanh (D) Kiểm tra một dự án xây dựng</p>